

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HS-ST

Ngày: 25-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Thường

Ông Phạm Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2023/TLST - HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Chang A T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1979 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Bản C12, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chang A S (đã chết) và bà Giàng Thị M, sinh năm 1945; Vợ: Sùng Thị D, sinh năm 1984; Con: Có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/5/2023 cho đến nay (Có mặt).

2. Hàng A T1 (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1985 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C12, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hàng A V (đã chết) và bà Hàng Thị L, sinh năm 1968; Vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1987; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu cho đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Chang A T:

1. Ông Nguyễn Công H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Ông Ma Ngọc Mạnh L - Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai - Địa chỉ: Số 244, đường Th, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị D - Luật sư Văn phòng luật sư D thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội - Địa chỉ chi nhánh: Số 356 đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hàng A T1:* Ông Nguyễn Công H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1984 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Bản 46, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Ông Lê Duy V, sinh năm 1975 - Trú tại: Tổ 5, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).

3. Bà Sùng Thị M, sinh năm 1987 - Trú tại: Bản C12, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993 - Trú tại: Bản TB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Ông Quàng Văn V, sinh năm 1989 - Trú tại: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Bà Bùi Phương T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Bản M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

5. Bà Trần Thị L, sinh năm 1972 - Trú tại: Bản Th, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

6. Ông Hà Văn T, sinh năm 1989 - Trú tại: Bản ND, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

7. Bà Hoàng Thị O, sinh năm 1988 - Trú tại: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1991 - Trú tại: Bản TB, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

9. Ông Lò Văn S, sinh năm 1990 - Trú tại: Bản TH xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

10. Ông Lừ Seo S, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

12. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

13. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

14. Ông Chảo Văn P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Bản 46, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu.

15. Bà Giàng Thị C, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

16. Ông Vàng A T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

17. Ông Hàng A T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

18. Ông Giàng A K, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

19. Ông Hoàng Seo S, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Bản C6, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu.

20. Bà Chang Thị C, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

21. Ông Lù Văn H, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

22. Ông Chang A V sinh năm 1992 (Vắng mặt).

23. Ông Hàng A K, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

24. Ông Chang A P, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

25. Ông Hàng A G, sinh năm 1995 (Có mặt).

26. Ông Chang A S, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

27. Ông Vàng A S, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

28. Ông Hàng A C, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

29. Ông Sùng A M, sinh năm 2001 (Có mặt).

30. Ông Sùng A G, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

31. Ông Hàng A C, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

32. Ông Sùng A X, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

33. Ông Vàng A T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

34. Ông Chang A C, sinh năm 1995 (Có mặt).

35. Ông Hàng A M, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

36. Ông Sùng A T, sinh năm 1999 (Có mặt).

37. Ông Chang A C, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

38. Ông Hàng A C, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

39. Ông Vàng A C, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

40. Ông Vàng A N, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Bản C12, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu.

41. Ông Hàng A D, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

42. Ông Vàng A S, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Đều trú tại: Bản C8, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 23/4/2023, Chang A P, sinh năm 2005 (là con trai của bị cáo Chang A T) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25B1-810.** bị tai nạn do đâm vào xe ô tô biển kiểm soát 24C-128.** do ông Lê Duy V điều khiển, hậu quả, Chang A P bị tử vong. Ngày 24/04/2023, gia đình Chang A T đã gặp Lê Duy V để thỏa thuận việc bồi thường, gia đình T yêu cầu ông V phải bồi thường 400.000.000 đồng nhưng ông V không đồng ý vì ông V cho rằng lỗi xảy ra tai nạn là do P, ông V chỉ đồng ý hỗ trợ từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Do hai bên không thống nhất được nên gia đình T không nhận số tiền hỗ trợ của ông V (thực tế kết quả khám nghiệm hiện trường, điều tra xác minh ban đầu xác định nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do Chang A P vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ). Sau đó, gia đình T đã làm thủ tục mai táng cho P theo phong tục của địa phương tại nhà ở bản C2, xã S, huyện T. Biết gia đình T

tổ chức đám tang cho P, bị cáo Hàng A T1 là người cùng bản với bị cáo T cùng nhiều người dân trong bản đến nhà Chang A T giúp gia đình T tổ chức đám tang. Gia đình T thống nhất thời gian đưa Chang A P đi chôn cất vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 25/4/2023.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 25/4/2023, Chang A T gọi điện thoại cho ông Giàng A C - Trưởng Công an xã, ông Phạm Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S hỏi tại sao con trai của T bị chết do tai nạn giao thông mà gia đình người lái xe Lê Duy V không ai đến hỏi thăm, chia buồn với gia đình T. Đồng thời, T nhờ chính quyền xã gọi gia đình người lái xe đến gặp gia đình T để giải quyết, nếu không gia đình T sẽ đưa quan tài Chang A P đến Ủy ban nhân dân xã để nhờ giải quyết. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày vẫn không thấy đại diện gia đình của người lái xe đến nên T bảo với mọi người phải đưa quan tài Chang A P xuống Ủy ban nhân dân xã S để nhờ chính quyền xã đứng ra giải quyết. Thấy gia đình T định đưa quan tài đến trụ sở xã S, ông Phạm Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, ông Vàng A T - Phó Bí thư đảng ủy xã, ông Giàng A C - Trưởng Công an xã, ông Lò Văn S - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, ông Nguyễn Văn T - Công chức địa chính xã, bà Trần Thị L - Chủ tịch Hội Phụ nữ xã S đã giải thích cho Chang A T biết việc đưa quan tài Chang A P đến trụ sở xã là vi phạm pháp luật nhưng T không đồng ý mà vẫn hô hào mọi người đưa quan tài đến trụ sở xã S để gây áp lực, bắt buộc các cơ quan chức năng của xã S phải gọi lái xe Lê Duy V đến giải quyết. Lúc đầu, T có ý định sẽ chở quan tài của P bằng xe mô tô đến trụ sở xã S thì Hàng A T1 đang có mặt ở đó nói: Đi bằng xe máy không được. Biết T1 có xe ô tô nên T bảo T1 về lấy xe ô tô đến chở quan tài Chang A P đến trụ sở xã S giúp gia đình, T1 đồng ý. T1 đi về nhà điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24H - 006.** là xe của vợ chồng T1 đến nhà T. Do T1 cũng bức xúc cùng gia đình T nên T và T1 hô hào mọi người khiêng giúp quan tài của P lên thùng xe ô tô để chở đến trụ sở xã S. Nghe T và T1 nói, một số người dân trong bản đang có mặt đã cùng nhau vào khiêng quan tài của P và một số vòng hoa lên thùng xe ô tô của T1. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi đưa quan tài và vòng hoa lên thùng xe ô tô xong, một số người leo lên thùng xe đứng cạnh quan tài, Hàng A T1 điều khiển xe ô tô đi về hướng trụ sở xã S, Chang A T điều khiển xe mô tô đi theo xe ô tô của T1, nhiều người dân trong bản cũng điều khiển xe mô tô đi theo xe ô tô của T1.

Đến 15 giờ 32 phút cùng ngày, Hàng A T1 điều khiển xe ô tô đến sân trụ sở xã S rồi đỗ lại ở giữa sân để mọi người trên thùng xuống xe, còn quan tài và vòng hoa vẫn để trên thùng. Chang A T điều khiển xe mô tô đến cổng trụ sở xã S thì để xe ở ngoài cổng rồi cùng những người đi cùng vào sân trụ sở. Khoảng 10 phút sau, do thời tiết nắng nên T1 điều khiển xe ô tô tới trước cửa nhà văn hóa xã để, rồi mở cửa xe đi xuống và lấy điện thoại của mình ra quay video lại sự việc mọi người dân đang tụ tập đông người ở sân trụ sở xã S. Trong lúc quay video, T1 còn có những lời nói kích động nhằm gây áp lực cho chính quyền xã để đòi hỏi yêu sách cho gia đình T, còn T đi lại trong sân trụ sở, được các lãnh đạo, cán bộ của huyện T và xã S giải thích và động viên đem quan tài Chang A P về chôn cất nhưng T không đồng ý mà tiếp tục yêu cầu chính quyền xã S phải gọi lái xe Lê Duy V đến giải quyết. Khoảng

30 phút sau, chính quyền xã mời gia đình T lên phòng làm việc để trao đổi nhưng T không lên mà cử một số người đại diện gia đình lên trao đổi, còn T tiếp tục đi lại trong sân trụ sở yêu cầu chính quyền gọi lái xe Lê Duy V đến.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, do vẫn chưa thấy lái xe Lê Duy V đến nên T bảo T1 điều khiển xe ô tô sang phía phòng một cửa để cho quan tài xuống. T1 lùi xe ô tô đến trước cửa phòng một cửa, T và T1 hô hào mọi người khiêng giúp quan tài của Chang A P đặt xuống sân cùng vòng hoa để trước cửa phòng một cửa, sau đó T1 điều khiển xe ô tô đi về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, mọi người dân đã đi về gần hết, chỉ còn lại T và một vài người trong gia đình ở lại để trông quan tài. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, ông Phạm Văn Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S nói với T về việc đã liên hệ được với lái xe Lê Duy V qua điện thoại, V nhờ chính quyền xã S bồi thường giúp V số tiền 50.000.000 đồng cho gia đình T. Gia đình T nhờ chính quyền xã S tạm thời giữ số tiền này để chờ Cơ quan điều tra Công an huyện T có kết luận đối với vụ tai nạn giao thông giữa P và V, đồng thời nhất trí đưa quan tài P về chôn cất. Đến 22 giờ 39 phút cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã S đã thuê 01 xe ô tô tải khác chở quan tài và vòng hoa của Chang A P ra khỏi sân của trụ sở xã S để đi chôn cất.

Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 32 phút đến 22 giờ 39 phút ngày 25/4/2023 toàn bộ trụ sở xã S gồm 12 người đang làm việc phải dừng toàn bộ công việc đang giải quyết vì không thể hoạt động được. Ngoài ra, còn làm cuộc họp của bản C46, xã S vào lúc 20 giờ ngày 25/4/2023, tại Nhà văn hóa xã S phải hoãn lại do sân trụ sở xã S vẫn còn đông người và các bị cáo chưa đưa quan tài ra khỏi sân trụ sở.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Chang A T, Hàng A T1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hàng A T1 trình bày: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm theo giấy tờ xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, bị cáo dùng xe ô tô trên để chở quan tài vợ bị cáo không biết; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại Galaxy A12 là của bị cáo dùng để quay vi deo khi để quan tài tại trụ sở xã S và có lời nói nhằm gây áp lực cho chính quyền xã S.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã S là ông Phạm Văn Đ trình bày: Thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp lời khai của các bị cáo. Khi biết ý định của bị cáo Chang A T muốn đưa quan tài Chang A P xuống Ủy ban nhân dân xã S thì ông cùng với Vàng A T, Giàng A C, Lò Văn S, Nguyễn Văn T, Trần Thị L đã giải thích việc nếu đưa quan tài xuống xã là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T không nhất trí. Sau khi các bị cáo đưa quan tài xuống xã, gia đình lái xe ô tô là ông Lê Duy V có nhờ Ủy ban nhân dân xã S thay mặt gia đình hỗ trợ tiền mai táng cho gia đình bị cáo T là 50.000.000 đồng, hiện gia đình bị cáo T đã nhận đủ số tiền trên. Ủy ban nhân dân xã S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Duy V trình bày: Nguyên nhân Chang A P chết là do P vi phạm quy định khi tham gia giao thông nên đã đâm

vào xe ô tô do ông đang điều khiển gây thiệt hại về tài sản cho ông là 12.250.000 đồng. Sau khi xảy ra tai nạn, gia đình ông ở xa nên đã nhờ Ủy ban nhân dân xã S hỗ trợ tiền mai táng 50.000.000 đồng cho gia đình bị cáo Chang A T, hiện gia đình T đã nhận đủ số tiền trên nên ông không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sùng Thị M trình bày: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm theo giấy tờ xe là tài sản chung của bà và bị cáo Hàng A T1. Bị cáo T1 sử dụng chiếc xe ô tô trên vào việc phạm tội bà không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe ô tô trên.

Người làm chứng ông Hoàng Seo S, bà Nguyễn Thị L, ông Quảng Văn V, ông Vàng A T, bà Bùi Phương T, ông Hàng A T, bà Trần Thị L, ông Hà Văn T, ông Giàng A K, bà Hoàng Thị O, ông Nguyễn Duy T, ông Nguyễn Văn T, ông Lò Văn S, ông Vàng A S, ông Nguyễn Bá K là những cán bộ đang làm việc tại xã S và ông Chèo Văn P là trưởng bản 46, xã S trình bày: Thời gian, địa điểm các bị cáo chở quan tài Chang A P đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã S đúng như lời khai của các bị cáo. Thời gian các bị cáo để quan tài tại trụ sở xã đã làm cho các cán bộ đang làm việc tại xã phải dừng hoạt động và bản C46 không tổ chức họp bản được. Ông Vàng A T, ông Lò Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị L đã đến nhà bị cáo T giải thích cho gia đình T biết việc đưa quan tài Chang A P đến trụ sở xã là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T không nhất trí.

Người làm chứng ông Lừ Seo S, ông Vũ Duy K trình bày: Thời gian, địa điểm ông Chèo Văn P thông báo họp bản và lý do hoãn họp bản tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã S phù hợp lời khai của ông P và các cán bộ xã S.

Người làm chứng bà Giàng Thị C trình bày: Chiều ngày 25/4/2023, bà xuống trụ sở Ủy ban nhân dân xã S giải quyết việc gia đình, khi đang giải quyết thấy nhiều người dân chở quan tài xuống xã nên các cán bộ đang làm việc tại xã phải dừng công việc lại.

Người làm chứng ông Lù Văn H, ông Chang A V, bà Vũ Thị L, ông Hàng A K, ông Chang A P, ông Hàng A G, ông Chang A S, ông Vàng A S, ông Hàng A C, ông Sùng A M, ông Sùng A X, ông Vàng A T, ông Chang A C, ông Hàng A M, ông Hàng A D, ông Sùng A T, ông Chang A C, ông Hàng A C là những người giúp đám ma trình bày: Thời gian, địa điểm và nguyên nhân bị cáo Chang A T hô hào mọi người khiêng quan tài và đưa xuống trụ sở Ủy ban nhân dân xã S phù hợp lời khai của các bị cáo.

Người làm chứng ông Sùng A G, ông Hàng A C, ông Vàng A C trình bày: Thời gian, địa điểm các bị cáo mang quan tài xuống trụ sở Ủy ban nhân dân xã S phù hợp lời khai của các bị cáo, khi các ông vào xem thấy mọi người bảo khiêng quan tài giúp nên vào khiêng.

Người làm chứng bà Chang Thị C và ông Vàng A N trình bày: Thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc đúng như lời khai của các bị cáo, C và N có sử dụng tài khoản Facebook cá nhân để phát trực tiếp lên mạng xã hội khi đưa quan tài P lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, quá trình phát trực tiếp do bức xúc nên có nói về việc gia đình lái xe không đến hỏi thăm nhưng sau đó vì đeo đó đã gỡ xuống và xóa.

Đối với ông Chang A C, ông Hàng A M, ông Sùng A T, ông Chang A C, ông Hàng A C và ông Hàng A D đều trình bày: Các ông có biết việc gia đình Chang A T bức xúc về việc gia đình lái xe Lê Duy V không đến gia đình T viếng Chang A P nên sau khi T hô hào mọi người khiêng quan tài của P lên thùng xe ô tô của Hàng A T1 giúp thì các ông đã cùng nhau vào khiêng quan tài lên thùng xe. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu xét thấy hành vi đó là bột phát, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để xử phạt hành chính.

Đối với ông Sùng A G ông Hàng A C, ông Sùng A X, ông Vàng A T, ông Chang A C, ông Sùng A T, ông Hàng A M trình bày: Các ông có biết việc Hàng A T1 cùng gia đình Chang A T đưa quan tài xuống trụ sở xã S, các ông và mọi người đứng tụ tập đông người ở sân nhưng không có hành động gây gổ gì với các cán bộ, công chức xã S. Sau khi nghe thấy Chang A T và Hàng A T1 nhờ các ông vào khiêng quan tài của Chang A P từ thùng xe ô tô xuống sân trước cửa phòng một cửa thì các ông khiêng giúp xuống. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu xét thấy hành vi đó chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án để xử phạt hành chính.

Đối với bà Chang Thị C và ông Vàng A N có hành vi phát trực tiếp sự việc diễn ra lên mạng xã hội Facebook và có những lời nói quá khích. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu xét thấy hành vi của bà C, ông N không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc mọi người đưa quan tài đến trụ sở xã S, hoặc kích động mọi người gây mất trật tự công cộng. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu xét thấy hành vi trên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên ra quyết định xử phạt hành chính đối với Chang Thị C và Vàng A N.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKSLC-P1 ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Chang A T, Hàng A T1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Chang A T, Hàng A T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt mỗi bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo từ 04 năm đến 05 năm. Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hàng A T1 nếu bị cáo T1 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại Galaxy A12.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo là ông Nguyễn Công H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt các bị cáo với mức án thấp nhất và khi quyết định hình phạt cần phân hóa vai trò đồng phạm cho các bị cáo vì bị cáo Hàng A T1 có vai trò thấp hơn bị cáo Chang A T. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho bị cáo Hàng A T1: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm giấy tờ xe và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại Galaxy A12 vì xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T1, T1 sử dụng xe ô tô trên vào việc phạm tội vợ bị cáo là Sùng Thị M không biết, điện thoại bị cáo quay video nhưng không phát lên mạng xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Chang A T là ông Ma Ngọc Mạnh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nêu quan điểm bào chữa là hoàn toàn đồng ý với ý kiến của Luật sư Nguyễn Thị D tại phiên tòa. Người bào chữa Nguyễn Thị D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo T với mức án 02 năm tù cho hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với đề nghị của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Do bức

xúc về việc con trai của bị cáo Chang A T là Chang A P bị chết do tai nạn giao thông nhưng lái xe ô tô ông Lê Duy V không đến lễ tang động viên, thăm hỏi gia đình nên bị cáo Chang A T đã nhờ bị cáo Hàng A T1 dùng xe ô tô chở quan tài của Chang A P và các vòng hoa đến sân trụ sở xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu để yêu cầu chính quyền xã S gọi lái xe ông Lê Duy V đến giải quyết. Sau đó, các bị cáo đã hô hào mọi người khiêng quan tài lên xe ô tô để bị cáo T1 chở đến sân trụ sở xã S. Khi đến sân trụ sở xã S, các bị cáo đã hô hào mọi người khiêng quan tài và vòng hoa đi trước phòng một cửa của Ủy ban nhân dân xã S. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là trong khoảng thời gian từ 15 giờ 32 phút đến 22 giờ 39 phút ngày 25/4/2023 toàn bộ trụ sở xã S gồm 12 người đang làm việc phải dừng toàn bộ công việc đang giải quyết vì không thể hoạt động được. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm cuộc họp của bản C46, xã S vào lúc 20 giờ ngày 25/4/2023 tại trụ sở xã S phải hoãn lại do sân trụ sở xã S đông người và các bị cáo đang để quan tài tại sân trụ sở.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong trụ sở xã S, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo do không kiềm chế được bức xúc của bản thân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Chang A T là người khởi xướng, người thực hành tích cực, bị cáo Hàng A T1 là người thực hành tích cực. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn của bị cáo T không biết chữ, bị cáo T1 học lớp 01/12 nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo Chang A T là người khởi xướng và là người thực hành tích cực, bị cáo Hàng A T1 là người thực hành tích cực nên cần xử phạt bị cáo T cao hơn bị cáo T1; Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Nguyên nhân dẫn đến việc các bị cáo phạm tội là do các bị cáo bức xúc về việc

người lái xe ô tô liên quan đến vụ tai nạn là ông Lê Duy V không đến lễ tang thăm hỏi, chia sẻ với gia đình bị cáo T. Vì vậy có thể cho các bị cáo tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa là ông Nguyễn Công H về việc trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm giấy tờ xe và 01 điện thoại cho bị cáo Hàng A T1 vì bị cáo T1 đã sử dụng làm phương tiện, công cụ phạm tội; Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa là ông Ma Ngọc Mạnh L và bà Nguyễn Thị D về việc xử phạt bị cáo Chang A T với mức án 02 năm tù cho hưởng án treo vì bị cáo T là người khởi xướng và thực hành tích cực.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại Galaxy A12 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Hàng A T1. Xét thấy bị cáo T1 đã dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[5] Về án phí: Các bị cáo đều là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. Kiến nghị: Qua vụ án này là bài học nhắc nhở, cảnh tỉnh đối với tất cả mọi người, đặc biệt là các cấp chính quyền tại huyện T, tỉnh Lai Châu cần quan tâm tới công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến toàn thể cộng đồng dân cư trên địa bàn về chấp hành các quy định khi tham gia giao thông, tránh gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn công cộng bị xử lý về hình sự.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ngày 07/8/2023 Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát để làm rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của các đối tượng có liên quan nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của các đối tượng có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo để xử lý khi có đủ căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Chang A T, Hàng A T1. Căn cứ thêm khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Hàng A T1:

1. Tuyên bố các bị cáo Chang A T, Hàng A T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Chang A T 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Hàng A T1 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2023). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hàng A T1 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trường hợp bị cáo Chang A T, Hàng A T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát 24H-006.** kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, loại Galaxy A12.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 10/7/2023).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chang A T, Hàng A T1.

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- UBND xã Sơn Bình;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người bào chữa;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

Phan Thị Phương